TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **88**/2021/DSST.
Ngày: 19/11/2021
V/v "**tranh chấp về thừa kế di sản**"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng.**

2/ Ông **Lê Văn Thành**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Bảo Quốc**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2020/TLST-DS, ngày 30 tháng 12 năm 2020. Tranh chấp "**về thừa kế di sản**". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2021/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2021. Giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***:

1. Bà **Nguyễn Thị Thanh T,** sinh năm 1957 (có mặt)
Địa chỉ: 191A, KV. T M, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.
2. Bà **Nguyễn Thị Thanh N,** sinh năm 1957 (có mặt)
Địa chỉ: 48/1B, KV. Thạnh Mỹ, P. Lê Bình, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.
3. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Th,** sinh năm 1960 (có mặt)
Địa chỉ: 176, KV. T M, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.
4. Bà **Nguyễn Thị Thanh H,** sinh năm 1964 (có mặt)
Địa chỉ: 379E/14B, KV. 2, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
5. Bà **Nguyễn Thị S,** sinh năm 1952 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Trường Thọ, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Có đơn đề ngày 21/6/2021 xin giải quyết vắng mặt. (BL 380).

- ***Bị đơn***: Ông **Nguyễn Duy A,** sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ: 191/1, KV. T M, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.

- ***<u>Ngươi có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</u>***:

1. Bà **Nguyễn Thị S,** sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp Trường Thọ, xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Có đơn đề ngày 21/6/2021 xin giải quyết vắng mặt. (BL 380)

2. Ông **Nguyễn Chí D (Được),** sinh năm 1969

Người giám hộ của ông Nguyễn Chí D là ông **Nguyễn Duy A** (Theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 32/2019/QĐST ngày 14/10/2019 của TAND quận Cái Răng – BL 258-259) (có mặt)

3. Ông **Nguyễn Đức T** , sinh năm 1992 (vắng mặt)

4. Bà **Nguyễn Thị Ánh H**, sinh năm 2007 (vắng mặt)

Địa chỉ: 191/1, KV. T M, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.

Người giám hộ của bà Nguyễn Thị Ánh H là bà **Nguyễn Thị O** (mẹ ruột theo khai sinh – BL 131). Có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 25/5/2021 (BL 130)

5/ Bà **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ K B, xã Đ M, huyện Thới Lai (trước là Cờ Đỏ), TP. Cần Thơ.

6/ Ông **Đoàn Hùng Ph**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: 190B, KV. T M, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.

Có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 28/5/2021. (BL 135)

7/ Bà **Nguyễn Huỳnh Bích T**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: 421/7, KV. Y H, P. L B, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.

Có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 27/5/2021. (BL 146)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện ngày 09/8/2017 và quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Mỹ Th, Nguyễn Thị Thanh H trình bày*:**

Cha mẹ là ông Nguyễn Văn M (chết năm 2015) và bà Bùi Thị T (chết năm 2020), cha mẹ có tất cả 08 người con gồm:

1. Bà **Nguyễn Thị S** sinh năm 1952;

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh H** sinh năm 1954;

3. Bà **Nguyễn Thị Thanh T** sinh năm 1957;

4. Bà **Nguyễn Thị Thanh N** sinh năm 1957;

5. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Th** sinh năm 1960;

6. Bà **Nguyễn Thị Thanh H** sinh năm 1964;

7. Ông **Nguyễn Chí D** sinh năm 1969;

8. Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1971 (chết năm 2008). Ông T có vợ tên Nguyễn Thị Tuyết V và có 01 người con là **Nguyễn Đức T ,** sinh năm 1992. Sau đó ly hôn và sống với bà Nguyễn Thị O và có 01 con tên **Nguyễn Thị Ánh H,** sinh năm 2007.

Ngoài ra ông M và bà T không có con riêng hay con nuôi, không có vợ chồng nào khác. Trước khi qua đời ông M, bà T có để lại di chúc cho Nguyễn Duy A (là cháu nội của ông M, con của ông Nguyễn Chí D) toàn bộ phần đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00283 (AC796999) cấp ngày 04/8/2005 cho hộ Nguyễn Văn M. Các nguyên đơn cho rằng tờ di chúc được lập không ghi rõ thời gian, không có sự đồng ý các các thành viên trong gia đình và những đứa con được ghi trong di chúc không có ký tên nên không đúng pháp luật. Từ đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy bỏ tờ di chúc của ông M, bà T và yêu cầu phân chia **di sản của ông M** theo quy định của pháp luật đối với phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00283 (AC796999) cấp ngày 04/8/2005 cho hộ Nguyễn Văn M.

Ngày 19/10/2020 bà Bùi Thị T chết, nên các nguyên đơn tiếp tục ***khởi kiện theo đơn ngày 22/12/2020*** yêu cầu hủy bỏ tờ di chúc của ông M, bà T và yêu cầu phân chia **di sản của ông M và bà T** theo quy định của pháp luật đối với phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00283 (AC796999) cấp ngày 04/8/2005 cho hộ Nguyễn Văn M. Riêng nguyên đơn Nguyễn Thị S rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo đơn ngày 21/6/2021 (BL 379).

Ngoài ra, ông M, bà T còn có căn nhà số 191/1, KV. T M, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ. Căn nhà nằm trên phần đất thuộc giấy chứng nhận QSDĐ số 000177 (P557349) ngày 08/10/2001 do hộ Nguyễn Thị Thanh T đứng tên. Nhưng căn nhà này là nhà hương quả, giữ lại để thờ cúng ông bà, các bên đương sự không có tranh chấp cũng không yêu cầu giải quyết.

Còn theo **bị đơn Nguyễn Duy A** trình bày: Tờ di chúc của ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T lập có xác nhận của Trưởng khu vực ngày 14/10/2011 là đúng quy định và ý nguyện của ông M, bà T. Nội dung ông M, bà T tặng cho bị đơn căn nhà hương quả và toàn bộ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00283 (AC796999) cấp ngày 04/8/2005 cho hộ Nguyễn Văn M. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu hủy tờ di chúc này của các nguyên đơn. Riêng căn nhà tọa lạc tại số 191/1, KV. T M, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ nhưng tọa lạc trên phần đất thuộc giấy chứng nhận QSDĐ số 000177 (P557349) ngày 08/10/2001 do hộ Nguyễn Thị Thanh T đứng tên, theo di chúc của ông M để lại là nhà hương quả giao bị đơn thờ cúng ông bà nên yêu cầu nguyên đơn giao lại nhà cho bị đơn sử dụng. Còn phần đất riêng của bà Nguyễn Thị Thanh T bị đơn không có ý kiến.

Người liên quan bà **Nguyễn Thị Thanh H** trình bày: Tờ di chúc của ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T lập có xác nhận của Trưởng khu vực ngày 14/10/2011 là đúng quy định và ý nguyện của ông M và bà Tư. Bà không đồng ý hủy tờ di chúc mà yêu cầu công nhận để bị đơn được quản lý căn nhà hương quả và sử dụng toàn bộ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00283 (AC796999) cấp ngày 04/8/2005 cho hộ Nguyễn Văn M.

Giám hộ cho ông **Nguyễn Chí D** thống nhất theo yêu cầu của bị đơn.

Người liên quan bà **Nguyễn Thị S**: đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo đơn ngày 21/6/2021 (BL 379) và tự nguyện nhường phần di sản nếu được hưởng của bà cho ông Nguyễn Chí D (có người giám hộ là con Nguyễn Duy A) được hưởng.

Người liên quan ông **Nguyễn Đức T** và bà **Nguyễn Thị Ánh H** trình bày: cả hai là con ruột của ông Nguyễn Ngọc T. Ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T là ông bà nội của hai người. Ông Nguyễn Ngọc T chết năm 2008, trước ông M và bà Tư. Cả hai không có ý kiến trong việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn. Nhưng nếu Tòa án hủy tờ di chúc và chia di sản của ông bà nội theo pháp luật thì đồng ý nhận di sản theo pháp luật.

Người liên quan **Nguyễn Huỳnh Bích T** trình bày: Vào năm 2010, ông Nguyễn Văn M có cho bà phần đất 50m^2 (ngang 4,5m x dài 12,5m) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00283 (AC796999) cấp ngày 04/8/2005 cho hộ Nguyễn Văn M. Việc tặng cho đất này có lập văn bản là Đơn xin xác nhận ngày 20/5/2010 (có xác nhận của trưởng khu vực và UBND phường Thường Thạnh). Bà đã cất nhà ở trên đất này và cùng cư ngụ với mẹ và anh trai tên Đoàn Hùng Ph. Đến khoảng 05 – 06 năm sau thì bà mua nhà ở chỗ khác và chuyển về đó sinh sống cho đến nay. Bà đã giao căn nhà trên phần đất được ông M tặng cho ông Đoàn Hùng Ph sử dụng. Bà không có ý kiến về việc tranh chấp di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T, chỉ yêu cầu công nhận phần diện tích đất 50m^2 (ngang 4,5m x dài 12,5m) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00283 (AC796999) cấp ngày 04/8/2005 là tài sản riêng của bà, không phải là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T. Bà sẽ tự đăng ký tách phần đất này theo quy định và việc chuyển nhượng phần đất này cho ông Đoàn Hùng Ph thì cả hai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người liên quan **Đoàn Hùng Ph**: ông và bà Nguyễn Huỳnh Bích T là anh em cùng mẹ khác cha. Bà Tuyền có chuyển nhượng cho ông 01 căn nhà số 190B, KV. T M, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ diện tích 50m^2 với giá 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Hai bên có lập Hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất ngày 14/12/2015 (có xác nhận của trưởng khu vực ông Bùi Văn Cu ngày 14/12/2015). Ông không có ý kiến về việc tranh chấp di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T, chỉ yêu cầu công nhận căn nhà trên phần diện tích đất 50m^2 (ngang 4,5m x dài 12,5m) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00283 (AC796999) cấp ngày 04/8/2005 không phải là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T. Việc chuyển nhượng phần đất này giữa ông và bà Nguyễn Huỳnh Bích T thì cả hai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Các nguyên đơn, bị đơn và tất cả người liên quan có mặt đều công nhận và thống nhất tách riêng 50m^2 đất LUA mà ông M tặng cho riêng bà Tuyền theo Đơn xin xác nhận ngày 20/5/2010 (có xác nhận của trưởng khu vực và UBND phường Thường Thạnh). Phần này theo Mảnh trích đo địa chính số 71-2018 ngày 19/10/2018 được xác định là "***Phần còn lại T-1994 đương sự không yêu cầu đo đạc để giải quyết tranh chấp***". Nên di sản còn lại của ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T bao gồm căn nhà tại số 191/1, KV. T M, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ

nhưng tọa lạc trên phần đất thuộc giấy chứng nhận QSDĐ số 000177 (P557349) ngày 08/10/2001 do hộ Nguyễn Thị Thanh T đứng tên; toàn bộ diện tích đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00283 (AC796999) cấp ngày 04/8/2005 cho hộ ông Nguyễn Văn M.

Các nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Mỹ Th, Nguyễn Thị Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy bỏ tờ di chúc của ông M, bà T và yêu cầu phân chia **di sản của ông M và bà T** theo quy định của pháp luật đối với phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00283 (AC796999) cấp ngày 04/8/2005 cho hộ Nguyễn Văn M. Riêng căn nhà số 191/1, KV. T M, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ thì không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Duy A và giám hộ liên quan Nguyễn Chí D: không chấp nhận yêu cầu nguyên đơn mà yêu cầu công nhận di chúc có hiệu lực và chia di sản theo di chúc.

Người liên quan Nguyễn Thị Thanh H: nếu tờ di chúc được lập không đúng pháp luật thì thống nhất chia chia **di sản của ông M và bà T** theo quy định của pháp luật.

Người liên quan Nguyễn Huỳnh Bích T: không ý kiến về nội dung tranh chấp **di sản của ông M và bà Tư,** chỉ yêu cầu xác định phần diện tích đất 50m^2 (ngang 4,5m x dài 12,5m) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00283 (AC796999) cấp ngày 04/8/2005 là tài sản riêng của bà, không phải là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T. Bà sẽ tự đăng ký tách phần đất này theo quy định và việc chuyển nhượng phần đất này cho ông Đoàn Hùng Ph thì cả hai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: là phù hợp quy định pháp luật, không phát hiện vi phạm.

- **Về việc giải quyết vụ án**: căn cứ qui định của pháp luật thì Tờ di chúc do ông M và bà T lập được xác định không hợp pháp nên không có hiệu lực thi hành. Do đó yêu cầu chia di sản của ông M và bà T theo qui định của pháp luật là có căn cứ và đúng pháp luật.

Nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn. Chia di sản của ông M và bà T thành 8 kỷ phần, sau khi trừ phần diện tích mà ông M đã tặng cho bà Nguyễn Huỳnh Bích T. Do bà Nguyễn Thị S tự nguyện nhường phần được thừa kế của bà cho ông Nguyễn Chí D (có người giám hộ là con Nguyễn Duy A) nên ông Nguyễn Chí D được hưởng 02 kỷ phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cả hai vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T đã chết và có để lại Tờ di chúc có xác nhận của Trưởng khu vực ngày 14/10/2011. Nguyên đơn là 4/8 các

con của hai ông bà khởi kiện yêu cầu hủy tờ di chúc vì cho rằng di chúc không hợp pháp và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông M và bà T là phần đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00283 (AC796999) cấp ngày 04/8/2005. Bị đơn là cháu nội của hai ông bà không đồng ý chia di sản theo pháp luật mà yêu cầu chia thừa kế theo Tờ di chúc của ông M và bà T nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp "về thừa kế di sản" được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các qui định về thừa kế của Bộ luật dân sự 2005 có nội dung và hình thức phù hợp với qui định của Bộ luật dân sự 2015 nên áp dụng qui định của Bộ luật dân sự 2015 để điều chỉnh tranh chấp giữa các bên (Điều 688 Bộ luật dân sự 2015).

[2] Các bên đương sự đều khai thống nhất là ông Nguyễn Văn M chết ngày 06/02/2015 (có giấy chứng tử BL 108), thời điểm mở thừa kế là 06/02/2015 nên phải áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết. Đến ngày 09/8/2017 đương sự có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế với **di sản của ông M** nên vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo qui định tại Điều 645 Bộ luật dân sự 2005. Đối với bà Bùi Thị T chết ngày 19/10/2020 (có giấy chứng tử BL 85), thời điểm mở thừa kế là 19/10/2020 nên phải áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết. Và ngày 22/12/2020 các nguyên đơn tiếp tục có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với **di sản của bà T** để lại nên vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo qui định và Điều 623 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét tính hợp pháp Tờ di chúc của ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T có xác nhận của Trưởng khu vực và UBND phường Thường Thạnh ngày 14/10/2011, HĐXX nhận thấy:

Về hình thức thì đây là di chúc bằng văn bản có chứng thực của UBND phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, TP Cần Thơ ngày 14/10/2011. Nên việc lập di chúc phải tuân theo thủ tục qui định tại Điều 658 BLDS 2005 và Điều 636 BLDS 2015: "người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc **trước** người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn ... Người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố...". Nhưng theo các Biên bản xác minh cùng ngày 27/6/2019 (BL 206-208) thì cán bộ tư pháp phường cũng như người có thẩm quyền đã ký xác nhận vào thời điểm chứng thực di chúc nêu trên đều xác định "chỉ xác nhận chữ ký tên của đồng chí Bùi Văn Cu – trưởng khu vực, chứ UBND phường không có chứng thực nội dung di chúc nên không có lưu vào sổ chứng thực". Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2019 (BL 203-204) thì ông Bùi Văn Cu, người đã ký xác nhận vào Tờ di chúc trình bày "Tờ di chúc đã đánh máy sẵn nội dung" do bị đơn Nguyễn Duy A chở ông Nguyễn Văn M đến nhà nhờ ký xác nhận. Cho nên hình thức của Tờ di chúc không đúng qui định của pháp luật.

[4] **Về nội dung** Tờ di chúc của ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T không ghi rõ ngày tháng lập di chúc, không ghi nơi cư trú của người lập di chúc; quan trọng nhất là không xác nhận rõ di sản để lại là những gì và nơi có di sản là ở đâu. Theo nội dung Tờ di chúc có xác nhận của Trưởng khu vực và của UBND phường Thường

Thạnh ngày 14/10/2011 (BL 89) mà các bên cung cấp thì nội dung ghi: "Về phần tài sản của tôi đã có chia cho 05 đứa con gái xong. Vì tuổi đã lớn nên vợ chồng tôi quyết định để lại phần tài sản còn lại gồm có nhà và giấy CNQSDĐ cho cháu trai tôi là Nguyễn Duy A, sinh năm 1989, CMND số 362261327 được sử dụng". Với nội dung không đúng qui định của pháp luật như trên thì người được hưởng di sản và cơ quan chức năng đều không thể thực hiện được. Mặt khác, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho **hộ** là ngày 04/8/2005, thì trong hộ có tới 8 thành viên (theo Công văn số 840/CAQ-QLHC ngày 15/6/2021 của Công an quận Cái Răng (BL 376). Nhưng Tờ di chúc lập liên quan tới việc phân chia quyền sử dụng đất của **hộ** mà không có ý kiến của các thành viên khác của hộ là không đúng qui định. Do Tờ di chúc của ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T có xác nhận của UBND phường Thường Thạnh ngày 14/10/2011 (BL 89) không được coi là di chúc hợp pháp nên không có hiệu lực thi hành. Những người thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T sẽ được hưởng di sản theo qui định của pháp luật.

[5] **Về hàng thừa kế**: các bên đều thống nhất xác định ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T có tất cả 08 (tám) người con như nêu trên là đúng. Ngoài ra ông bà không có vợ hay chồng nào khác, không có con nuôi hay con ngoài giá thú nào khác. Trong số các con vừa nêu trên thì:

- Ông Nguyễn Ngọc T **chết ngày 30/9/2008** (có giấy chứng tử BL 76). Ông T có 02 người con là Nguyễn Đức T (khai sinh – BL 120) và Nguyễn Thị Ánh H (khai sinh – BL 131). Nguyễn Thị Ánh H có giấy khai sinh không ghi tên cha nhưng tất cả đương sự đều thừa nhận là con của ông T. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận. Do ông T chết trước ông M và bà T nên các con của ông gồm Nguyễn Đức T và Nguyễn Thị Ánh H (có mẹ ruột Nguyễn Thị O làm giám hộ) được **thừa kế thế vị** theo qui định tại Điều 652 Bộ luật dân sự.

- Ông Nguyễn Chí D **có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi** (Quyết định số 32/2019/QĐST-VDS ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng - BL 258-259, 109) có 01 con tên Nguyễn Duy A làm giám hộ.

Như vậy vào thời điểm mở thừa kế ngày 06/02/2015 và ngày 19/10/2020 thì hàng thừa kế thứ nhất của ông M và bà T bao gồm các con và cháu thế vị như nêu trên. Cụ thể di sản sẽ được chia thành 08 kỷ phần cho những người thừa kế cụ thể như sau:

1. Bà **Nguyễn Thị S**
2. Bà **Nguyễn Thị Thanh H**
3. Bà **Nguyễn Thị Thanh T**
4. Bà **Nguyễn Thị Thanh N**
5. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Th**
6. Bà **Nguyễn Thị Thanh H**
7. Ông **Nguyễn Chí D** do Nguyễn Duy A làm giám hộ.

8. Ông **Nguyễn Đức T** và **Nguyễn Thị Ánh H** (có Nguyễn Thị O làm giám hộ)

[6] **Về di sản**: các đương sự thống nhất xác định **ông M và bà T** chết để lại quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00283 (AC796999) cấp ngày 04/8/2005 cho hộ Nguyễn Văn M, diện tích khoảng 2.149,8 m^2 nhưng đo đạc thực tế gồm 121m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 71-2018 ngày 19/10/2018 + 2050,1m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 176-2018 ngày 19/10/2018 và phần còn lại T-1994 đương sự không yêu cầu đo đạc để giải quyết tranh chấp (BL 188-190). Bà Nguyễn Huỳnh Bích T trình bày "phần còn lại T-1994 theo Mảnh trích đo địa chính số 71-2018 ngày 19/10/2018" có diện tích khoảng 50m^2 (ngang 4,5m x dài 12,5m), bà được tặng cho trước khi ông M và bà T qua đời. Phần đất này chưa tách bộ và vẫn thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00283 (AC796999) cấp ngày 04/8/2005 cho hộ Nguyễn Văn M. Việc tặng cho đất này có lập văn bản là Đơn xin xác nhận ngày 20/5/2010 (có xác nhận của trưởng khu vực và UBND phường Thường Thạnh – BL 226). Các nguyên đơn, bị đơn và tất cả những người liên quan là con cháu cũng là các đồng thừa kế đều xác định trước khi chết ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T có cho bà Nguyễn Huỳnh Bích T 50 m^2 là sự thật và không tranh chấp phần này nên không thuộc di sản của ông M và bà T (BL 302). Tách yêu cầu công nhận phần đất tặng cho này ra giải quyết thành vụ kiện riêng nếu có tranh chấp. Nên phần đất là di sản của ông M và bà T để lại chỉ còn (121m^2 + 2050,1m^2) = **2171,1 m^2** (LUA)**.** Riêng căn nhà tại số 191/1, KV. T M, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ cũng là di sản của ông M và bà T để lại, nhưng tọa lạc trên phần đất thuộc giấy chứng nhận QSDĐ số 000177 (P557349) ngày 08/10/2001 do hộ Nguyễn Thị Thanh T đứng tên. Các đương sự trình bày đây là căn nhà hương quả để thờ cúng tổ tiên, các nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu chia thừa kế căn nhà này nên HĐXX không điều chỉnh phần này.

[7] Tại tòa, các nguyên đơn và người liên quan có nguyên vọng để cho bà Nguyễn Thị Thanh T được nhận toàn bộ quyền sử dụng đất và bà Thủy sẽ hoàn lại giá trị bằng tiền tương ứng kỷ phần cho những người được hưởng thừa kế. Hội đồng xét xử nhận thấy phần diện tích bao gồm 121m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 71-2018 ngày 19/10/2018 và 2050,1m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 176-2018 ngày 19/10/2018, tổng cộng **2171,1 m^2** (LUA). Nếu chia đều cho các thừa kế thì mỗi suất thừa kế sẽ được hưởng là 2171,1 m^2 : 8 = **271,3m^2** (LUA) ***không phù hợp với mục đích sử dụng đất*** theo qui định. Và theo Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 17/01/2018 (BL 188) và qua thực tế khảo sát thì phần đất 2050,1m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 176-2018 ngày 19/10/2018 ***không có điều kiện để mở lối đi*** ra lộ, nếu muốn có lối đi phải mở lối đi qua đất của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T. Mặt khác tại Công văn số 1559/UBND ngày 12/7/2021 của Ủy ban nhân dân quận Cái Răng (BL 366) thì có thể diện tích 401,5 m^2 thuộc thửa 2622 tờ bản đồ số 6 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 09799 ngày 23/8/2019 cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh T (BL 346) khả năng trùng với diện tích 121 m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 71-2018 ngày 19/10/2018. Ranh giới của 02 diện tích này cần phải xác định lại nên khó thi hành nếu giao cho người khác sử dụng. Cho nên Hội đồng xét xử cân nhắc quyết định chia thừa kế quyền sử dụng đất bằng giá trị mới hợp lý, giao toàn bộ diện tích 121m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 71-2018 ngày 19/10/2018 và

2050,1m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 176-2018 ngày 19/10/2018, tổng cộng đất **2171,1 m^2** (LUA) cho nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T theo nguyện vọng của phần lớn đương sự trong vụ kiện. Nếu có tranh chấp về việc mở lối đi thì sẽ được giải quyết thành vụ kiện riêng theo qui định.

[8] Bị đơn Nguyễn Duy A tuy không phải người trực tiếp hưởng thừa kế di sản nhưng lại là người giám hộ hợp pháp cho cha ruột, là ông Nguyễn Chí Dũng. Ông Dũng được xác định "Tâm thần, mức độ đặc biệt nặng" theo Giấy xác nhận khuyết tật số hiệu 07103/CR/TT/58 do UBND phường Thường Thạnh cấp ngày 18/9/2013; **có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi** theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 32/2019/QĐST ngày 14/10/2019 của TAND quận Cái Răng (BL 258-259). Trước đó, bị đơn sống chung với ông M, bà Tư, ông Dũng, hai con của ông Nguyễn Ngọc T (là Nguyễn Đức T và Nguyễn Thị Ánh H) và bà Nguyễn Thị O (mẹ ruột Nguyễn Thị Ánh H) tại căn nhà hương quả số 191/1, KV. T M, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ. Từ khi xảy ra tranh chấp đến nay, bản thân bị đơn và những người này không có nhà ở phải thuê trọ bên ngoài. Ông Dũng vẫn ở nhà này do bà Thủy chăm sóc, còn bị đơn không có điều kiện chăm sóc cho ông Dũng. Nay bà Nguyễn Thị S tự nguyện giao kỷ phần của bà cho ông Nguyễn Chí D (có con Nguyễn Duy A làm giám hộ) được hưởng thừa kế toàn bộ. Đây là tự nguyện thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận cho ông Nguyễn Chí D được hưởng 02 kỹ phần và giao cho Nguyễn Duy A quản lý tài sản của ông Nguyễn Chí D theo pháp luật.

[9] Căn cứ vào Bảng xác định giá trị tài sản của Hội đồng định giá lập ngày 17/01/2018 (BL 200 – 202) thì mỗi kỹ phần có giá trị cụ thể gồm:

* Đất: 2.500.000 đồng/m^2 x 271,3m^2 = 678.250.000 đồng.

* Cây trồng: 9.320.000 đồng : 8 = 1.165.000 đồng.

Tổng cộng, mỗi kỹ phần có giá trị là **679.415.000 đồng** (Sáu trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh T được nhận toàn bộ diện tích 121m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 71-2018 ngày 19/10/2018 và diện tích 2050,1m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 176-2018 ngày 19/10/2018, tổng cộng đất **2171,1 m^2** (LUA) và cây trồng trên đó, đồng thời có nghĩa vụ thanh toán lại cho những người được thừa kế khác tương ứng với mỗi kỷ phần mà họ được hưởng, cụ thể như sau:

1. Bà **Nguyễn Thị Thanh H** được nhận **679.415.000 đồng** (Sáu trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng).

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh N** được nhận **679.415.000 đồng** (Sáu trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng).

3. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Th** được nhận **679.415.000 đồng** (Sáu trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng).

4. Bà **Nguyễn Thị Thanh H** được nhận **679.415.000 đồng** (Sáu trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng).

5. Ông **Nguyễn Chí D** (do Nguyễn Duy A làm giám hộ) được nhận 679.415.000 đồng x 2 kỹ phần = **1.358.830.000 đồng** (Một tỷ ba trăm năm mươi tám triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng).

6. Ông **Nguyễn Đức T** và **Nguyễn Thị Ánh H** (do Nguyễn Thị O làm giám hộ) được nhận ½ kỹ phần 679.415.000 đồng = **339.707.500 đồng** (Ba trăm ba mươi chín triệu bảy trăm lẽ bảy ngàn năm trăm đồng).

[10] Về chi phí đo đạc, định giá: theo yêu cầu của các nguyên đơn, Tòa án đã thành lập đoàn đo đạt, định giá để xác định giá trị tài sản tranh chấp vào ngày 17/01/2018, chi phí đo đạt, định giá là 3.000.000 đồng + 2.866.000 đồng = **5.866.000 đồng** (Năm triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn đồng), các đồng thừa kế phải chịu tương ứng với tài sản được hưởng. Mỗi kỹ phần phải chịu chi phí đo đạc, định giá là 1/8 x 5.866.000 đồng = **733.250 đồng** (Bảy trăm ba mươi ba ngàn hai trăm năm mươi đồng). Nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T đã nộp xong theo phiếu thu số 84 ngày 10/11/2017 và Hóa đơn số 0031033 ngày 26/10/2018 (BL 153, 155 và 191). Các đương sự có nghĩa vụ hoàn trả lại trong giai đoạn thi hành án cho bà Nguyễn Thị Thanh T cụ thể như sau:

1. Bà **Nguyễn Thị Thanh H** có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 733.250 đồng (Bảy trăm ba mươi ba ngàn hai trăm năm mươi đồng).

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh N** có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 733.250 đồng (Bảy trăm ba mươi ba ngàn hai trăm năm mươi đồng).

3. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Th** có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 733.250 đồng (Bảy trăm ba mươi ba ngàn hai trăm năm mươi đồng).

4. Bà **Nguyễn Thị Thanh H** có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 733.250 đồng (Bảy trăm ba mươi ba ngàn hai trăm năm mươi đồng).

5. Ông **Nguyễn Chí D** (do Nguyễn Duy A làm giám hộ) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 733.250 đồng x 2 kỹ phần = 1.466.500 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm đồng).

6. Ông **Nguyễn Đức T** và **Nguyễn Thị Ánh H** (do Nguyễn Thị O làm giám hộ) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 733.250 đồng x ½ kỹ phần = 366.625 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: mỗi đương sự phải chịu án phí chia tài sản tương ứng với phần mình được nhận (không được miễn giảm). Cụ thể:

- Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Mỹ Th, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thanh H mỗi người phải chịu 20.000.000 đồng + 4%(679.415.000 đồng – 400.000.000 đồng) = 31.176.600 đồng (Ba mươi mốt triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

- Nguyễn Chí D (do Nguyễn Duy A làm giám hộ) phải chịu 36.000.000 đồng + 3%(1.358.830.000 đồng – 800.000.000 đồng) = 52.764.900 đồng (Năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm đồng).

- Nguyễn Đức T và Nguyễn Thị Ánh H (do Nguyễn Thị O làm giám hộ) cùng được thừa kế một kỷ phần nên mỗi người phải chịu 1/2 x 20.000.000 đồng + 4%(679.415.000 đồng – 400.000.000 đồng) = 15.588.300 đồng (Mười lăm triệu năm trăm tám mươi tám ngàn ba trăm đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Điều 645 Bộ luật dân sự 2005.

- Điều 55, 56, 57 và 59, Điều 609, 611, 612, 613, 623, 624, 628, 630, 631, 635, 636, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Nguyễn Thị Thanh T**, **Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Mỹ Th** và **Nguyễn Thị Thanh H** đối với bị đơn **Nguyễn Duy A.**

Tuyên bố "Tờ di chúc của ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T có xác nhận của UBND phường Thường Thạnh ngày 14/10/2011" là không hợp pháp nên không có hiệu lực thi hành.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị T là quyền sử dụng diện tích **121m^2** thuộc thửa 5325 theo Mảnh trích đo địa chính số 71-2018 ngày 19/10/2018 và diện tích **2050,1m^2** thuộc thửa 5345 theo Mảnh trích đo địa chính số 176-2018 ngày 19/10/2018.

2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị S** đối với ông **Nguyễn Duy A.**

3/ Bà Nguyễn Thị Thanh T được nhận toàn bộ diện tích **121m^2** thuộc thửa 5325 theo Mảnh trích đo địa chính số 71-2018 ngày 19/10/2018 và diện tích **2050,1m^2** thuộc thửa 5345 theo Mảnh trích đo địa chính số 176-2018 ngày 19/10/2018 (có lược đồ Mảnh trích đo địa chính số 71-2018 ngày 19/10/2018 và Mảnh trích đo địa chính số 176-2018 ngày 19/10/2018 kèm theo).

Bà Nguyễn Thị Thanh T được liên hệ với cơ quan chức năng để đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định sau khi thực hiện nghĩa vụ thanh toán lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác như sau:

- Bà **Nguyễn Thị Thanh H** số tiền **679.415.000 đồng** (Sáu trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng).

- Bà **Nguyễn Thị Thanh N** số tiền **679.415.000 đồng** (Sáu trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng).

- Bà **Nguyễn Thị Mỹ Th** số tiền **679.415.000 đồng** (Sáu trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng).

- Bà **Nguyễn Thị Thanh H** số tiền **679.415.000 đồng** (Sáu trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng).

- Ông **Nguyễn Chí D** (do Nguyễn Duy A làm giám hộ) số tiền **1.358.830.000 đồng** (Một tỷ ba trăm năm mươi tám triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng). Giao ông Nguyễn Duy A quản lý tài sản của ông Nguyễn Chí D theo qui định của pháp luật.

- Ông **Nguyễn Đức T** và **Nguyễn Thị Ánh H** (do Nguyễn Thị O làm giám hộ) số tiền **339.707.500 đồng** (Ba trăm ba mươi chín triệu bảy trăm lẽ bảy ngàn năm trăm đồng). Giao bà Nguyễn Thị O quản lý tài sản của bà Nguyễn Thị Ánh H theo qui định của pháp luật.

4/ Riêng căn nhà hương quả số 191/1, KV. T M, P. T T, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ, nhưng tọa lạc trên phần đất thuộc giấy chứng nhận QSDĐ số 000177 (P557349) ngày 08/10/2001 do hộ Nguyễn Thị Thanh T đứng tên, các đương sự không yêu cầu nên không điều chỉnh.

5/ Tách yêu cầu công nhận việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Huỳnh Bích T thành vụ kiện khác khi có yêu cầu theo qui định của pháp luật.

6/ Về chi phí đo đạc, định giá: Nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T đã nộp xong **5.866.000 đồng** (Năm triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn đồng), các đồng thừa kế có nghĩa vụ hoàn trả lại trong giai đoạn thi hành án cho bà Nguyễn Thị Thanh T cụ thể như sau:

- Bà **Nguyễn Thị Thanh H** có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 733.250 đồng (Bảy trăm ba mươi ba ngàn hai trăm năm mươi đồng).

- Bà **Nguyễn Thị Thanh N** có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 733.250 đồng (Bảy trăm ba mươi ba ngàn hai trăm năm mươi đồng).

- Bà **Nguyễn Thị Mỹ Th** có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 733.250 đồng (Bảy trăm ba mươi ba ngàn hai trăm năm mươi đồng).

- Bà **Nguyễn Thị Thanh H** có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 733.250 đồng (Bảy trăm ba mươi ba ngàn hai trăm năm mươi đồng).

- Ông **Nguyễn Chí D** (do Nguyễn Duy A làm giám hộ) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.466.500 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm đồng).

- Ông **Nguyễn Đức T** và **Nguyễn Thị Ánh H** (do Nguyễn Thị O làm giám hộ) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 366.625 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự phải chịu án phí chia tài sản như sau:

- Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Mỹ Th, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thanh H mỗi người phải chịu **31.176.600 đồng** (Ba mươi mốt triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 009394 ngày 20/9/2017 và 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 006613 ngày 28/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng. Bà Thủy phải nộp thêm **30.176.600 đồng** (Ba mươi triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh N được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 009396 ngày 20/9/2017 và 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 006614 ngày 28/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng. Bà Nga phải nộp thêm **30.176.600 đồng** (Ba mươi triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Mỹ Th được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 009397 ngày 20/9/2017 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 006616 ngày 28/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng. Bà Thanh phải nộp thêm **30.176.600 đồng** (Ba mươi triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh H được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 009395 ngày 20/9/2017 và 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 006615 ngày 28/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng. Bà Hoa phải nộp thêm **30.176.600 đồng** (Ba mươi triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

- Nguyễn Chí D (do Nguyễn Duy A làm giám hộ) phải chịu **52.764.900 đồng** (Năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn chín trăm đồng).

- Nguyễn Đức T và Nguyễn Thị Ánh H (do Nguyễn Thị O làm giám hộ) mỗi người phải chịu **15.588.300 đồng** (Mười lăm triệu năm trăm tám mươi tám ngàn ba trăm đồng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị S tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 009393 ngày 20/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên các đương sự có mặt được quyền kháng cáo và kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường nơi cư trú hoặc từ khi nhận được bản án các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Thái Mỹ Nhung